TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111 /2025/DS-PT
Ngày: 19/02 /2025
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Nhàn**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**

Bà **Lê Thị Hồng Tâm**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Võ Tấn Dũ** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 và 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 578/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp:" *Hợp đồng vay tài sản* ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2024/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 695/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Chí N, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ D, Khu B, ấp C, xã T, TP ., tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Vũ Quang Ngọc A, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Số I L, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Nơi ở hiện nay: Số A H, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Trần Bích L, thuộc Văn phòng L1 – Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Vũ Ngọc T, sinh năm 1951 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số I L, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Chị Hồ Thị Minh T1, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã B, C, Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Vũ Quang Ngọc A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:***

Anh Trương chí N và Ngọc A là chỗ quen biết, nên khi Ngọc A ngõ lời mượn tiền để mua bán kinh doanh, thế chấp cho anh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề tên ông Vũ Ngọc T uỷ quyền định đoạt cho Vũ Quang Ngọc A được toàn quyền sở hữu sử dụng nhà đất số I L, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. N đã đồng ý cho Ngọc A vay nhiều lần cụ thể như sau:

Tháng 3.2023 anh có đưa cho Ngọc A mượn 1.456.000.000 đồng;

Ngày 09/6/2023 anh đưa cho Ngọc A mượn 600.000.000 đồng.

Ngày 14/6/2023 anh đưa cho Ngọc A mượn 600.000.000 đồng.

Ngày 15/6/2023 anh đưa cho Ngọc A mượn 1.000.000.000 đồng.

Ngày 06/7/2023 anh đưa cho Ngọc A mượn 600.000.000 đồng.

Tổng cộng: 4.256.000.000 đồng (Bốn tỷ hai trăm năm mươi sáu triệu đồng). Ngọc A có viết và ký tên cam kết trả số tiền trên. Ngọc A làm Giấy cam kết ngày 05/7/2023, 02 bản: 01 bản anh giữ và 01 bản Ngọc A giữ. Số tiền 4.256.000.000 đồng theo nội dung tin nhắn mà anh Ngọc A cung cấp thể hiện Ngọc A ký thừa nhận nợ.

Ngày 05/7/2023 anh và Ngọc A thoả thuận: Trước mắt Ngọc A sẽ trả trước cho anh 2.256.000.000 đồng theo phương thức mỗi tháng trả 100.000.000 đồng cho đến khi hết khoản nợ này; Đối với 2.000.000.000 đồng nợ còn lại thì Ngọc A sẽ trả sau khi bán được nhà đất số I L, phường A, TP M, tỉnh Tiền Giang. Tuy nhiên, Ngọc A không trả cho anh theo đúng cam kết thỏa thuận. Ngọc A đã bán nhà nhưng không thực hiện việc trả số nợ cho anh như cam kết.

Do vậy, anh Trương Chí N khởi kiện yêu cầu Vũ Quang Ngọc A trả cho anh số tiền tổng cộng Ngọc A phải trả số tiền là 4.256.000.000 đồng theo giấy cam kết ngày 05/7/2023.

**** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày*:**

Anh không chấp nhận việc anh Trương Chí N kiện anh số tiền 4.256.000.000 đồng. Vì anh đã trả xong cho anh N, cụ thể:

Tháng 3.2023 có người giới thiệu anh vay tiền của anh N, anh N có hỏi anh có tài sản gì không? Anh nói là cha mẹ có ủy quyền căn nhà số I L, phường A, thành phố M, khi cha anh bệnh. Anh N mới cho anh vay 3.000.000.000 đồng với lãi suất 3%/tháng, anh trả tiền lãi 01 tháng, đến đầu tháng 4/2023 thì không còn khả năng trả tiền lãi cho anh N.

Ngày 10/4/2023 , anh và anh N đến phòng C ký hợp đồng chuyển nhượng căn nhà số I L, phường A sang cho anh N, anh N tiếp tục lập thủ tục và đứng tên căn nhà vào ngày 30/5/2023 thì thời điểm này từ tiền vay 3.000.000.000 đồng cộng tiền lãi 1.800.000.000 đồng mới thành số tiền là 4.800.000.000 đồng. Ngày 02/6/2023 mới đăng ký thế chấp căn nhà này vay tiền tại Ngân hàng A1, anh N báo cho anh biết chỉ vay được số tiền 4.800.000.000 đồng, anh N lấy hết số tiền 4.800.000.000 đồng xem như anh đã trả nợ xong cho anh N vốn và lãi, nhưng phần tiền 4.800.000.000 đồng anh N vay của Ngân hàng nhưng anh N kêu anh phải đóng lãi hàng tháng.

Ngày 05/7/2023, do chị Hồ Thị Minh T1 là bạn của anh, vay tiền của anh N nhưng bỏ trốn nên anh N kêu anh viết giấy cam kết trả nợ anh N số tiền vay ngân hàng 4.800.000.000 đồng và số tiền 2.000.000.000 đồng nợ của chị T1 vay đã bỏ trốn ngày 03/7/2023.

Đối với khoản tiền 2.256.000.000 đồng theo giấy cam kết nợ ngày 5/7/2023 theo anh N nêu trong đơn kiện ngày 14/9/2023 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 31/10/2023 là không đúng. Thực tế, giấy cam kết nợ ngày 05/7/2023 anh N đang giữ để đi kiện là do anh N ép buộc anh viết vào ngày 26/7/2023 sau khi chị T1 bỏ trốn, không trả tiền cho anh N, vì anh N đang đứng tên căn nhà số I L, phường A, đang thế chấp tại ngân hàng A1, anh N hăm dọa anh không viết giấy cam kết nợ này thì anh N đến Ngân hàng trả số tiền vay, bán căn nhà số I L, anh sợ mất nhà 95 L và đồng thời anh N đang giữ 01 miếng đất của chị T1 chưa bán được, anh N có nói với anh là khi anh bán được đất của chị T1, đã bán cho anh N anh sẽ thanh toán lại cho anh phần tiền 2.000.000.000 đồng theo giấy cam kết nợ ngày 05/7/2023, anh N có photo giấy đất cho chị T1 đứng tên thuộc thửa 1016, tờ bản đồ số 1 do UBND huyện C cấp ngày 17.01.2013, đưa anh để làm tin nên anh mới tin tưởng viết giấy cam kết ngày 26/7/2023 ghi ngày 05/7/2023 theo yêu cầu của anh N. Do đó, anh xác định không còn nợ anh N.

Để chứng minh không có nợ anh N số tiền 2.256.000.000 đồng, anh Ngọc A trình bày:

Ngày 14/6/2023 anh N có nhắn tin cho anh và gửi tờ giấy có nội dung 9/6/2023 T1 lấy của N 600.000 đồng, ngày 9/6/2023 Ngọc A còn nợ 1.456.000.000 đồng, ngày 14/6/2023 T1 lấy của N 600.000.000 đồng, ngày 15/6/2023 T1 lấy của Nghĩa 1.000.000.000 đồng. Tổng cộng 3.656.000.000 đồng. (có kèm theo nội dung tin nhắn gửi Tòa án).

Ngày 05/7/2023 thì anh có viết giấy cam kết nhận nợ cho anh N. Sau đó ngày 26/7/2023 anh N ép anh viết tiếp giấy cam kết ngày 5/7/2023 với số tiền 4.256.000.000 đồng nhưng không có nhận tiền, là nợ của chị T1. Lí do viết giấy cam kết sau là do anh N uy hiếp về cái nhà số I L sợ cha anh biết nên mới viết cam kết nhận nợ cho chị T1.

Giấy cam kết ngày 05/7/2023 có làm 02 bản. Một bản làm vào ngày 05/7/2023 và 01 bản làm vào ngày 26/7/2023 cả hai bản đều do anh N giữ. Sau

khi anh bán nhà trả tiền xong cho anh N thì anh N mới trả cho anh 01giấy biên nhận ngày 05/7/2023 viết vào ngày 05/7/2023.

Theo anh N nêu trong đơn thì anh có vay của anh N số tiền 1.456.000.000 đồng vào tháng 3/2023, nhưng thực tế anh không có vay của anh N mà do anh N cộng các khoản tiền chi phí giao dịch làm ăn chung với anh N nên ghi nợ củ là 1.456.000.000 đồng. Đối vói số tiền 1.456.000.000 đồng, anh đã trả cho anh N xong thông qua hình thức chuyển tiền Ngân hàng V1:

- Ngày 14/6/2023 là 403.000.000 đồng.
- Ngày 20/6/2023: Chuyển tiền 02 lần: 400.000.000 đồng và 221.000.000 đồng. Thành tiền là 621.000.000 đồng.
- Ngày 03/7/2023: Chuyển tiền 02 lần: 450.000.000 đồng, 150.000.000 đồng. Tổng cộng 600.000.000 đồng.

Tổng cộng 1.624.000.000 đồng có cả tiền lãi, xem như Ngọc A không còn nợ anh N (có sao kê).

Còn lại số tiền 2.800.000.000 đồng là tiền chị T1 vay của anh N.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông*** Vũ Ngọc T ***trình bày:***

Do ông bị bệnh nên có ủy quyền căn nhà số I L, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho Vũ Quang Ngọc A phòng khi hữu sự. Ông không ngờ con ông nghe lời Trương Chí N lén lúc giấu vợ chồng ông chuyển tên cho Trương Chí N đứng tên chủ quyền nhà đất căn nhà số I L, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, để N đi vay tiền Ngân hàng trả nợ cho N, còn tiền lãi Ngân hàng Ngọc A trả cho Ngân hàng. Cho đến khi Ngọc A không còn khả năng trả lãi cho Ngân hàng và tiền lãi cho N số tiền nợ vay riêng của N 2.000.000.000 đồng, N đến nhà ông đòi nợ mới biết Ngọc A đã chuyển tên cho N.

Sau khi vợ chồng ông ổn định tâm lý thì cho kêu Ngọc A mời N đến trao đổi có thỏa thuận nếu N đồng ý ký tên bán căn nhà số I L, phường A và trả nợ Ngân hàng thì ông sẽ tìm người mua và cùng N trao đổi với Ngân hàng, đồng thời trả cho N số tiền Ngọc A vay riêng của Nghĩa là 2.000.000.000 đồng.

Đến tháng 9/2023 tìm được người mua nhà, trả số nợ 4.800.000.000 đồng và trả cho N số tiền nợ Ngọc A vay riêng của N 2.000.000.000 đồng, N mới ký tên chuyển sang tên cho chủ nhà mới. N giao lại cho Ngọc A giấy biên nhận 02 khoản tiền này là xong, Ngọc A không còn nợ tiền của N.

Nay N lại đi kiện Ngọc A đòi tiền: Khoản nợ 2.256.000.000 đồng và khoản nợ 2.000.000.000 đồng theo giấy cam kết nợ ngày 05/7/2023. Tổng cộng 4.256.000.000 đồng, là không phù hợp.

Bản án sơ thẩm số 101/2024/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227,

Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Chí N.

Buộc Vũ Quang Ngọc A có trách nhiệm trả cho Trương Chí N số tiền 4.256.000.000 đồng, (Bốn tỷ hai trăm năm mươi sáu triệu đồng).

1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
2. Tiếp tục duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 55/2023/QĐ-BPKCTT ngày 02/11/2023.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo các đương sự.

Ngày 29/5/2024, anh Vũ Quang Ngọc A kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án DSST theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Chí N.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án DSST.

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu sửa bản án DSST theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Chí N.

- Qua tranh luận tại phiên tòa, các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Anh Trương Chí N tự nguyện đồng ý chỉ yêu cầu anh Vũ Quang Ngọc A trả cho anh 1.400.000.000đồng, anh N đồng ý miễn nghĩa vụ trả các khoản nợ còn lại Ngọc A vay của N, xem như Ngọc A hoàn thành tất cả nghĩa vụ trả tiền vay cho anh N theo giấy cam kết ngày 05/7/2023. Nếu Ngọc A chậm thi hành án thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Vũ Quang Ngọc A đồng ý toàn bộ ý kiến của anh Trương Chí N, đồng ý trả cho anh Trương Chí N số tiền 1.400.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày anh N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Ngọc A chậm thực

hiện nghĩa vụ thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận tại phiên tòa (có bài phát biểu), Kiểm sát viên có ý kiến như sau: Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Trương chí N đồng ý chỉ yêu cầu anh Vũ Quang Ngọc A trả cho anh 1.400.000.000đồng, anh N đồng ý miễn các khoản nợ còn lại Ngọc A vay của N; Bị đơn Vũ Quang Ngọc A cũng đồng ý. Xét sự thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh Trương Chí N và anh Vũ Quang Ngọc A, S một phần Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

Đơn kháng cáo nộp trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản ” là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: anh Vũ Quang Ngọc A kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án DSST theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Chí N:

Qua tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau:

- Anh Trương Chí N tự nguyện đồng ý chỉ yêu cầu anh Vũ Quang Ngọc A trả cho anh 1.400.000.000đồng, anh N đồng ý miễn các khoản nợ còn lại N1 anh V của N, xem như Ngọc A hoàn thành tất cả nghĩa vụ trả tiền vay cho anh N theo

cam kết ngày 05/7/2023. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật, nếu anh Ngọc A chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Vũ Quang Ngọc A đồng ý toàn bộ ý kiến của anh Trương Chí N, đồng ý trả cho anh Trương Chí N số tiền 1.400.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày anh Trương Chí N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu Ngọc A chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét thấy, sự thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn là quyền quyết định và tự định đoạt của các đương sự, các bên thỏa thuận với nhau hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 5 bộ Luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của anh Trương chí N và anh Vũ Quang Ngọc A. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do Hội đồng xét xử sửa bản án DSST nên anh Vũ Quang Ngọc A không phải chịu án phí DSPT theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 148, Điều 296, Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2024/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

1. Buộc Vũ Quang Ngọc A có nghĩa vụ trả cho Trương Chí N số tiền 1.400.000.000 đồng, (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh Vũ Quang Ngọc A phải chịu 54.000.000 đồng (Năm mươi bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho anh Trương Chí N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 74.560.000 đồng (bảy mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0024513 ngày 31/10/2023 và 0024468 ngày 26/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Anh Vũ Quang Ngọc A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H lại cho anh Vũ Quang Ngọc A số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006178 ngày 29/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND Tp. M;
- Chi cục THADS Tp. M;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử:
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Nhàn